TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 1124/2017/HNGĐ-PT Ngày: 12-12-2017 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Mỹ Tây - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 115/2017/HNGĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc: "Ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2017/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2665/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Diệu H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Đường 16, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Đức T - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Q, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:* Bà Bùi Thị B, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm A, xã Y, huyện S, tỉnh B.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Diệu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn bà Lê Thị Diệu H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 31/8/2012. Trong thời gian chung sống, do mâu thuẫn về tiền bạc nên bà thường bị ông Nguyễn Q bạo hành, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Q.

Về con chung: Có một con chung tên M, sinh ngày 16/9/2013, hiện đang sống cùng ông Nguyễn Q. Bà có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông Nguyễn Q cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Q trình bày:

Ông xác nhận việc đăng ký kết hôn đúng như bà Lê Thị Diệu H trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, bà H thường tự ý mang tiền chung của vợ chồng ra ngoài mà không có sự đồng ý của ông. Nay ông đồng ý yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Có một con chung tên M, sinh ngày 16/9/2013, hiện đang sống cùng ông. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu M vì ông có đủ điều kiện và thời gian chăm sóc con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Người làm chứng bà Bùi Thị B trình bày:

Trước đây bà phụ việc dọn dẹp nhà cửa và trông nom cháu M. Bà không thấy có mâu thuẫn gì lớn giữa ông Nguyễn Q và bà Lê Thị Diệu H nhưng có vài lần bà thấy ông Q tát bà H và vợ chồng cãi vả, nguyên nhân vì sao bà không biết. Cuối năm 2016, ông Q thuê nhà sống riêng mang cháu M theo, bà cũng đi theo để chăm sóc cháu M, vào mỗi cuối tuần cháu được mẹ đón về ở cùng. Theo bà, điều kiện nuôi con của ông Q và bà H là như nhau, đều thương yêu và chăm sóc con chu đáo.

Tại Bản án sơ thẩm số 122/2017/HNGĐ-ST ngày 08/9/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 77, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 105, 106, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 56, 57, 58, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Diệu H.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Diệu H và ông Nguyễn Q chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã xã Đ, huyện P, tỉnh Q cấp ngày 31/8/2012 cho bà Lê Thị Diệu H và ông Nguyễn

Q không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có một con chung tên M, sinh ngày 16/9/2013 (giới tính nam). Ông Nguyễn Q được quyền tiếp tục nuôi dưỡng trẻ M sinh ngày 16/9/2013 (giới tính nam). Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Lê Thị Diệu H.

Bà Lê Thị Diệu H được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông Q yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà H và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/9/2017, bà Lê Thị Diệu H nộp đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung tên M với lý do trẻ Minh còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc. Về điều kiện kinh tế, bà có chỗ ở và nghề nghiệp ổn định đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu ông Nguyễn Q cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Q không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà Lê Thị Diệu H không đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Về phía bà H thương con và có đủ khả năng nuôi dạy con tốt. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Q thừa nhận đã có sự giằng co để đem cháu M theo sống cùng ông trong thời gian vợ chồng ly thân. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Diệu H, giao con chung cho bà H nuôi dưỡng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Hồ sơ thể hiện các đương sự có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên trẻ M 4 tuổi còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc

về mọi mặt. Ngoài những thuận lợi trên, bà Lê Thị Diệu H còn được sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc trẻ Minh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Diệu H, giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ghi nhận bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị Diệu H kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung, các nội dung khác không có đương sự nào kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

Trong quá trình xét xử tại phiên tòa, ông Nguyễn Q thể hiện thái độ nóng nảy, lớn tiếng. Khi kết thúc phần hỏi chuyển sang phần tranh luận, ông Q bỏ ra khỏi phòng xử án, không tham gia tranh luận, không tiếp tục tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, đây không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 31/8/2012 của Ủy ban nhân dân xã xã Đ, huyện P, tỉnh Q thì hôn nhân giữa bà Lê Thị Diệu H và ông Nguyễn Q là hôn nhân hợp pháp, có một con chung tên M, sinh ngày 16/9/2013.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Diệu H yêu cầu được nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Đối với con chung, bà Lê Thị Diệu H và ông Nguyễn Q đều yêu thương con, đều muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi là nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ nên cần xét đến hoàn cảnh thực tế của mỗi bên sau khi ly hôn để quyết định giao con.

Theo bà H khai, bà có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập hàng tháng. Bản thân ông Q cho biết ông cũng có điều kiện tốt đảm bảo cuộc sống cho con. Tuy nhiên, như trên đã nhận định, việc giao con cho ai nuôi đều phải vì lợi ích của trẻ.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy về việc làm, thu nhập và chỗ ở, cả hai vợ chồng cùng có điều kiện như nhau. Nhưng xét về sự phát triển của một đứa trẻ 4 tuổi cần được chăm sóc lo lắng từ ăn ngủ, sinh hoạt, ốm đau…thì người mẹ sẽ đảm đương tốt hơn. Về phần ông Q tại phiên tòa phúc thẩm ông cho biết trong thời gian nuôi cháu Minh ông thường về muộn sau 5 giờ khoảng ba hoặc bốn ngày trong tuần nên giờ giấc đón con trễ phải nhờ hàng xóm đón về cho ăn nhờ.

Như vậy, về hoàn cảnh thực tế của mỗi bên sau khi ly hôn bà H có thu nhập ổn định đủ điều kiện lo cho con, có giờ giấc thuận lợi đưa đón con và còn

được sự hỗ trợ của gia đình, nghĩ nên giao cháu Minh cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Hiện tại cháu M chưa bước vào chương trình tiểu học nên việc giao cháu Minh cho bà H nuôi dưỡng cũng không làm xáo trộn việc học của trẻ.

Từ những nhận định trên, nhận thấy kháng cáo của bà Lê Thị Diệu H yêu cầu được nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận, nghĩ cần sửa bản án sơ thẩm, giao con chung tên M cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Diệu H.

2. Sửa Bản án sơ thẩm số 122/2017/HNGĐ-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh về phần con chung.

Giao con chung tên M, sinh ngày 16/9/2013 cho bà Lê Thị Diệu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà Lê Thị Diệu H không yêu cầu ông Nguyễn Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bà Lê Thị Diệu H không phải nộp án phí phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0030315 ngày 08/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. .

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- UBND Đ, huyện P, tỉnh Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Uyên